

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Trong phiên hôm nay, VN-Index giằng co trong vùng 1,805 – 1,817 và cuối phiên đóng cửa tại mốc 1,810.11 điểm, gần như không đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông và Du lịch & giải trí giảm mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Hóa chất có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Dù xu hướng tăng ngắn hạn từ đáy cuối tháng 7/2026 chưa có tín hiệu đảo chiều, tâm lý thị trường vẫn thiếu đồng thuận khi VN-Index giao dịch quanh 1,800, cho thấy rủi ro ngắn hạn vẫn hiện hữu. Nhà đầu tư tiếp tục giao dịch thận trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 16/09/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-1.04** điểm, đóng cửa tại **1810.11** điểm. HNX-Index **-0.91** điểm, đóng cửa tại **273.22** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SSB (+1.11)**, **GVR (+0.99)**, **DMX (+0.97)**, **ACB (+0.62)**, **MBB (+0.59)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.21)**, **GAS (-0.98)**, **VHM (-0.68)**, **BID (-0.67)**, **LPB (-0.58)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,030** tỷ đồng, giảm **-10.91%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,879 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.06 điểm. Thị trường có **116** mã tăng, 67 mã tham chiếu, **194** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **243.51** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SBT (230.88 tỷ)**, **FPT (119.28 tỷ)**, **BSR (112.62 tỷ)**, **MBB (96.04 tỷ)**, **MCH (95.45 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.89** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.30%**. Các mã diễn biến tích cực:
ACB (+2.26%) [\(Link báo cáo\)](#)
FPT (+1.51%) [\(Link báo cáo\)](#)
MBB (+1.50%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.19%**. Các mã diễn biến tích cực:
NAB (+4.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
GVR (+3.72%) [\(Link báo cáo\)](#)
PLX (+2.28%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.30%	-0.19%	-0.06%	0.16%
1 tuần	-1.52%	-1.35%	-0.93%	-0.68%
1 tháng	1.54%	-1.17%	4.83%	4.19%
3 tháng	-4.56%	-9.30%	-3.62%	-2.78%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,810.11	273.22	125.98
% 1D	-0.06%	-0.33%	0.41%
GTKL (tỷ VND)	12,030	595	327
%1D	-10.91%	-12.91%	-13.86%
GDNN (tỷ VND)	243.51	2.89	12.86

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	230.88	VHM	-205.56
FPT	119.28	VIC	-149.19
BSR	112.62	VIX	-66.46
MBB	96.04	HPG	-37.43
MCH	95.45	VCI	-30.47

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

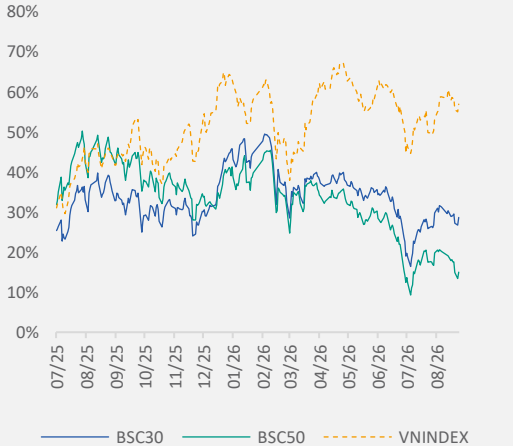
		%D	%W
SPX	7,586	-0.45%	-1.14%
FTSE100	8,099	0.10%	-0.71%
Eurostoxx	25,390	-0.13%	-0.64%
Shanghai	3,892	0.71%	-1.52%
Nikkei	63,923	0.69%	-1.87%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	108.00	-0.69%
Giá vàng	4,325	0.76%
Tỷ giá		
USD/VND	25,986	-0.01%
EUR/VND	29,990	0.02%
JPY/VND	168	0.05%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.5%	0.00%
LS LNH 1M	6.0%	0.04%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin nhanh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

TIN NHANH

Điều chỉnh dự báo chỉ số FTSE Vietnam 30 Index và số lượng cổ phiếu mua/bán ETF Fubon tháng 09/2026

Ngày 15/09/2026, FTSE đã công bố thông tin liên quan đến chỉ số FTSE Vietnam 30, theo đó chỉ số sẽ loại bỏ 09 cổ phiếu và thêm 10 cổ phiếu mới, tuy nhiên FTSE vẫn chưa công bố danh mục chi tiết danh sách các cổ phiếu này. Trên cơ sở thông báo của FTSE, BSC Research điều chỉnh dự báo danh sách cổ phiếu dự kiến được thêm mới và loại bỏ trong rổ chỉ số FTSE Vietnam 30 và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với ETF Fubon (đang tham chiếu FTSE Vietnam 30 Index), cụ thể như sau:

- + Dự kiến thêm mới (10 cổ phiếu): MCH, VPL, FPT, VPB, ACB (giữ nguyên so với dự báo trước đó) và bổ sung 05 cổ phiếu: SSB, MSB, GEE, NVL, HCM.
- + Dự kiến loại bỏ (09 cổ phiếu): KDH, VCI, VND, KBC (giữ nguyên so với dự báo trước đó) và bổ sung 05 cổ phiếu: TPB, VIX, EIB, GEX, FRT.

Chi tiết dự kiến SLCP mua/bán ETF Fubon tháng 09/2026

ĐIỀU CHỈNH DỰ BÁO SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU MUA/BÁN ETF FUBON KỲ THÁNG 09/2026								
STT	Mã	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng dự kiến	Thay đổi tỷ trọng	Dự kiến giá trị mua/bán (tỷ VND)	Số phiên dự kiến giao dịch	SLCP ETF Fubon mua/bán ngày 15/09/2026	Ghi chú
1	MCH	0.00%	3.76%	3.76%	333.60	6.62	-	Dự kiến thêm mới
2	SSB	0.00%	1.93%	1.93%	171.34	4.71	-	Dự kiến thêm mới
3	VPL	0.00%	2.25%	2.25%	199.67	3.25	-	Dự kiến thêm mới
4	VPB	0.00%	6.50%	6.50%	577.14	1.47	-	Dự kiến thêm mới
5	HCM	0.00%	1.71%	1.71%	151.76	1.20	-	Dự kiến thêm mới
6	MSB	0.00%	1.47%	1.47%	130.87	1.17	-	Dự kiến thêm mới
7	ACB	0.00%	3.89%	3.89%	345.46	1.15	-	Dự kiến thêm mới
8	FPT	0.00%	6.15%	6.15%	546.00	1.10	-	Dự kiến thêm mới
9	NVL	0.00%	1.46%	1.46%	129.20	0.73	-	Dự kiến thêm mới
10	GEE	0.00%	0.56%	0.56%	50.02	0.49	-	Dự kiến thêm mới
11	HPG	7.65%	8.93%	1.29%	114.12	0.24	(130,000)	
12	PLX	0.25%	0.45%	0.20%	17.86	0.17	-	
13	VJC	2.73%	2.92%	0.18%	16.18	0.11	(41,000)	
14	SAB	0.61%	0.63%	0.02%	1.69	0.06	(45,000)	
15	TCX	1.57%	1.61%	0.03%	2.88	0.04	(66,000)	
16	SHB	1.72%	1.88%	0.15%	13.52	0.02	-	
17	BSR	1.13%	1.12%	-0.01%	(0.69)	0.00	(130,000)	
18	VRE	2.37%	2.36%	-0.01%	(0.83)	-0.01	(300,000)	
19	SSI	4.61%	4.50%	-0.11%	(9.71)	-0.02	(730,000)	
20	STB	4.54%	4.43%	-0.11%	(9.52)	-0.03	(190,000)	
21	MSN	4.68%	4.57%	-0.11%	(9.87)	-0.04	(130,000)	
22	VNM	4.43%	4.32%	-0.11%	(9.32)	-0.04	(240,000)	
23	VCB	5.15%	5.02%	-0.12%	(10.82)	-0.04	(28,000)	
24	VPX	0.94%	0.91%	-0.02%	(2.11)	-0.06	(130,000)	
25	VCK	3.81%	3.72%	-0.09%	(8.02)	-0.09	(420,000)	
26	POW	1.10%	0.78%	-0.31%	(27.94)	-0.23	(280,000)	
27	VHM	13.44%	10.00%	-3.44%	(305.35)	-0.45	(900,000)	
28	GEX	1.63%	0.00%	-1.63%	(144.40)	-0.47	(1,200,000)	Dự kiến bị loại bỏ
29	BID	2.54%	1.68%	-0.85%	(75.87)	-0.50	(230,000)	
30	BVH	0.63%	0.48%	-0.15%	(13.54)	-0.52	-	
31	VIX	3.53%	0.00%	-3.53%	(313.03)	-0.54	(4,700,000)	Dự kiến bị loại bỏ
32	VND	1.70%	0.00%	-1.70%	(151.36)	-0.66	(2,000,000)	Dự kiến bị loại bỏ
33	TPB	1.22%	0.00%	-1.22%	(108.52)	-0.71	(1,500,000)	Dự kiến bị loại bỏ
34	VCI	1.91%	0.00%	-1.91%	(169.90)	-0.86	(1,700,000)	Dự kiến bị loại bỏ
35	EIB	0.97%	0.00%	-0.97%	(86.43)	-0.93	(1,000,000)	Dự kiến bị loại bỏ
36	KDH	0.95%	0.00%	-0.95%	(84.29)	-0.94	(1,030,000)	Dự kiến bị loại bỏ
37	VIC	21.68%	10.00%	-11.68%	(1,036.42)	-1.03	(870,000)	
38	FRT	1.25%	0.00%	-1.25%	(110.66)	-1.93	(160,000)	Dự kiến bị loại bỏ
39	KBC	1.27%	0.00%	-1.27%	(112.70)	-2.83	(850,000)	Dự kiến bị loại bỏ

Dữ liệu dự kiến mua/bán tại ngày 11/09/2026

Nguồn: BSC Research dự báo trên cơ sở dữ liệu từ Bloomberg, FTSE

Lưu ý:

- + Cổ phiếu HDB đang ở sát ngưỡng headroom cho phép, trường hợp HDB được thêm mới thì NVL sẽ không được thêm trong danh sách FTSE Vietnam 30 Index.
- + Phiên giao dịch ngày 15/09/2026, ghi nhận hoạt động cơ cấu mạnh kèm động thái rút ròng (-0.86 triệu USD) trong danh mục của ETF Fubon, cụ thể ETF Fubon đã bán lần lượt các cổ phiếu: VIX (4.7 triệu cổ phiếu), VND (-2.0 triệu cổ phiếu), VCI (-1.7 triệu cổ phiếu)...
- + Điểm đáng lưu ý là tỷ lệ số lượng cổ phiếu bán trong phiên 15/09/2026 của ETF Fubon so với danh mục nắm giữ còn lại ở mức cao (tập trung ở mức 24-25%) - hoạt động bán tương tự so với các đợt cơ cấu và rút ròng trong tháng 06/2026 nhưng tỷ lệ bán cao hơn so với đợt cơ cấu chủ động trước đó.

Tham khảo chi tiết các lưu ý về cơ cấu ETF ngoại khác tại báo cáo:

<https://www.bsc.com.vn/Report/ReportFile/15893>

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SSB	22.35	6.94%	1.11	6.53
GVR	32.10	3.72%	0.99	4.37
DMX	75.00	4.90%	0.97	0.95
ACB	22.60	2.26%	0.62	8.07
MBB	20.30	1.50%	0.59	9.81

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	77.10	4.33%	0.10	0.00
VNT	46.80	9.86%	0.05	0.00
PRE	29.60	2.07%	0.04	0.00
PVS	34.30	0.29%	0.03	5.59
C69	17.00	4.29%	0.03	0.520

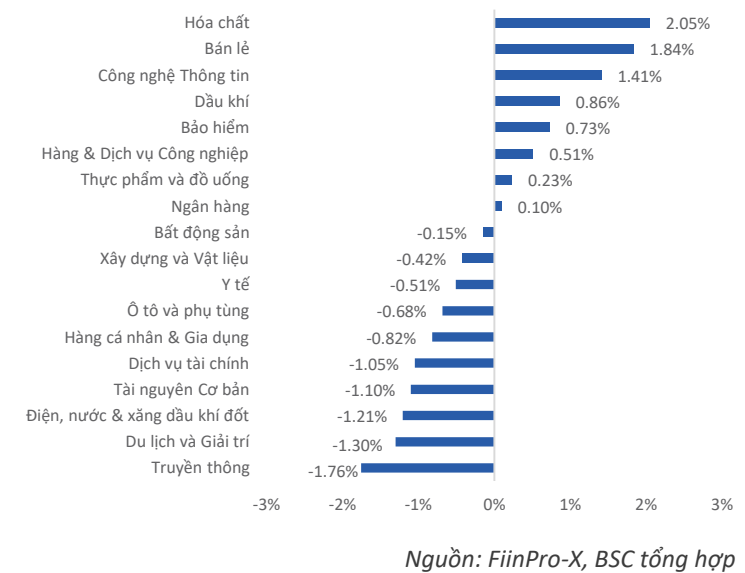
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
TDW	46.80	6.97%	0.00
SSB	22.35	6.94%	6.53
DCL	41.65	6.93%	4.22
PIT	10.40	6.89%	0.05
NAV	14.75	6.88%	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
VNT	46.80	9.86%	0.00
SGH	19.30	9.66%	0.00
VHL	10.40	9.47%	0.00
VC1	11.80	9.26%	0.00
PGN	6.30	8.62%	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	59.30	-1.17%	-1.21	2.97
GAS	89.40	-2.19%	-0.98	2.66
VHM	71.00	-0.56%	-0.68	8.394
BID	36.35	-1.22%	-0.67	2.26
LPB	46.55	-2.00%	-0.58	4.16

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	102.60	-1.54%	-0.28	0.02
VIF	14.80	-4.52%	-0.14	0.01
MBS	16.40	-1.20%	-0.12	2.11
THD	129.00	-0.39%	-0.12	0.00
SHS	14.00	-1.41%	-0.11	4.07

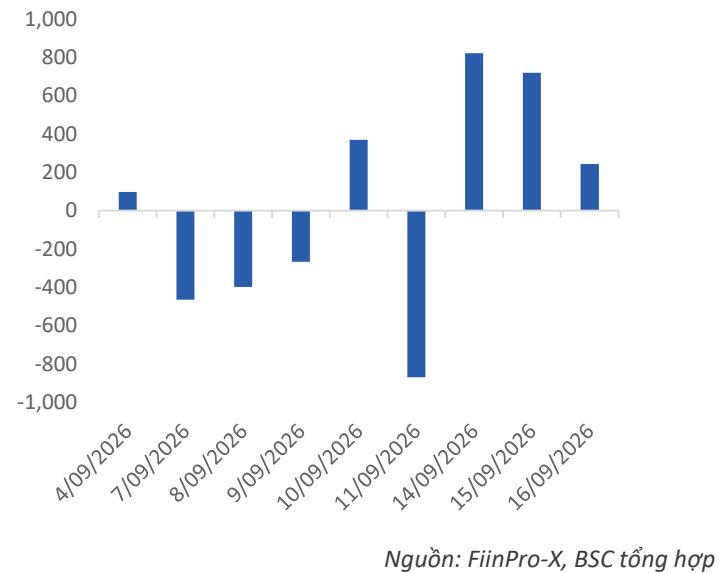
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
PNC	24.10	-6.95%	0.00
HU1	5.63	-6.94%	0.00
SC5	15.50	-6.91%	0.00
HAS	9.87	-6.89%	0.00
STG	35.20	-6.88%	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
MKV	11.70	-10.00%	0.01
HTC	29.70	-10.00%	0.00
SCI	9.00	-10.00%	0.11
PJC	31.70	-9.94%	0.00
PMS	31.20	-9.57%	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	71.5	0.4%	1.1	105,512	189.6	6,663	10.7	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.0	-0.4%	1.2	24,486	65.3	1,218	21.4	42.4	6.9%	Link
KDH	Bất động sản	15.3	-1.9%	0.9	17,170	66.0	1,567	9.8	39.9	23.7%	Link
PDR	Bất động sản	11.6	-0.4%	1.0	11,525	34.9	619	18.7	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	71.0	-0.6%	1.7	583,253	604.7	9,730	7.3	132.6	6.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	73.8	1.5%	0.6	126,517	565.7	5,862	12.6	124.4	28.3%	Link
BSR	Dầu khí	30.6	0.5%	0.0	153,223	514.2	3,974	7.7	-	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	0.3%	1.0	21,050	193.6	3,432	10.0	52.3	16.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.9	-1.0%	1.0	33,614	76.6	1,278	19.5		34.8%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.6	-0.5%	1.1	61,677	286.0	1,752	11.7		29.9%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.3	-2.8%	1.0	22,180	186.9	1,335	14.4		16.7%	Link
DCM	Hóa chất	33.4	-1.2%	0.4	17,682	116.5	4,939	6.8	53.3	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	35.0	-2.9%	0.8	13,292	32.3	5,603	6.3	96.7	3.6%	Link
ACB	Ngân hàng	22.6	2.3%	0.6	131,180	180.4	2,701	8.4	27.1	23.7%	Link
CTG	Ngân hàng	30.9	1.0%	0.9	239,610	140.4	5,172	6.0	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	27.1	0.0%	1.0	135,643	774.4	3,828	7.1	32.7	21.7%	Link
MBB	Ngân hàng	20.3	1.5%	0.8	204,396	197.7	3,219	6.3	32.4	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.9	0.4%	0.7	48,110	113.4	1,573	8.2	14.0	7.2%	Link
STB	Ngân hàng	75.8	-0.3%	0.7	142,899	254.9	1,634	46.4		10.6%	Link
TCB	Ngân hàng	32.5	0.8%	1.1	229,949	320.5	3,829	8.5	43.5	20.9%	Link
TPB	Ngân hàng	14.0	-1.1%	0.9	38,837	65.2	2,732	5.1	-	21.9%	Link
VCB	Ngân hàng	59.3	-1.2%	0.8	495,492	177.0	4,984	11.9	-	20.0%	Link
VIB	Ngân hàng	13.6	0.4%	0.8	50,506	126.0	1,991	6.8	23.0	3.4%	Link
VPB	Ngân hàng	27.6	-0.2%	1.3	218,976	562.2	3,758	7.3	36.5	22.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.0	-1.2%	0.8	176,880	259.9	2,750	7.6	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.1	-1.0%	0.9	8,113	14.5	813	12.4	14.3	3.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.9	-0.9%	0.8	6,832	18.5	2,679	5.9	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	67.4	0.0%	1.1	98,429	179.3	4,631	14.6	100.4	24.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	59.6	-0.2%	0.4	124,561	104.4	5,246	11.4	78.0	49.7%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.7	-3.46%	1.1	9,984	67.0	3,783	11.8	26.4%	23.8%	Link
FRT	Bán lẻ	128.0	-0.78%	0.9	22,888	70.2	6,359	20.1	33.3%	27.5%	Link
BVH	Bảo hiểm	71.0	1.14%	0.7	52,705	69.4	4,472	15.9	27.3%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.0	-0.10%	1.0	8,434	16.0	987	10.1	2.4%	8.1%	Link
DXG	Bất động sản	10.6	-1.86%	1.1	13,379	111.9	157	67.4	16.0%	1.4%	Link
HDC	Bất động sản	11.3	0.00%	1.0	2,596	8.6	2,389	4.7	1.0%	23.0%	Link
IDC	Bất động sản	31.0	0.00%	0.9	12,941	61.4	5,201	6.0	14.4%	32.7%	Link
NLG	Bất động sản	23.7	-0.63%	0.8	11,497	19.7	1,407	16.8	37.0%	5.2%	Link
SIP	Bất động sản	48.4	1.15%	0.8	11,718	3.9	5,867	8.3	2.3%	27.7%	Link
SZC	Bất động sản	17.6	0.00%	1.0	3,159	5.6	887	19.8	1.2%	5.0%	Link
TCH	Bất động sản	11.3	-2.59%	1.0	11,337	57.0	312	36.2	10.1%	2.6%	Link
VIC	Bất động sản	241.2	-0.04%	1.4	1,872,239	976.5	2,752	87.6	3.2%	13.9%	Link
VRE	Bất động sản	25.5	-0.78%	1.5	57,944	75.0	3,191	8.0	11.2%	15.0%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	22.8	0.00%	0.7	5,310	1.7	1,692	13.5	36.3%	12.3%	Link
PLX	Dầu khí	38.2	2.28%	0.9	48,537	452.6	2,528	15.1	14.2%	12.5%	Link
PVD	Dầu khí	19.7	0.25%	0.7	18,277	258.8	1,199	16.4	8.2%	6.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	20.2	-1.23%	0.9	7,680	8.3	1,105	18.2	24.6%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.4	-1.20%	1.0	16,415	34.7	1,828	9.0	0.3%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	89.4	-2.19%	1.0	215,718	242.4	5,269	17.0	2.1%	18.9%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.1	1.26%	0.8	6,532	10.9	2,298	7.0	15.8%	13.8%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	1.61%	1.0	38,808	134.3	2,049	6.2	3.8%	16.2%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.3	0.00%	0.4	28,240	15.0	4,238	10.7	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	124.4	0.00%	0.8	95,675	122.6	2,830	44.0	6.1%	8.6%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.0	-0.22%	1.7	30,029	292.7	1,049	21.9	6.3%	7.5%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	76.6	0.13%	0.9	33,160	66.4	6,027	12.7	39.0%	19.3%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.5	2.04%	0.8	9,103	48.0	6,640	7.2	7.0%	27.1%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.2	1.75%	0.7	11,993	204.3	2,761	8.4	15.2%	16.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.6	0.20%	0.6	10,014	23.2	2,199	22.6	3.8%	18.3%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	36.8	-1.21%	1.3	18,806	86.3	4,780	7.7	45.7%	18.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.2	-1.22%	0.8	1,906	7.0	1,872	8.7	48.0%	9.1%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.1	-1.23%	0.8	2,073	2.3	3,465	4.7	21.5%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	23.0	-0.22%	0.4	15,638	145.3	2,608	8.8	3.4%	15.6%	Link
GVR	Hóa chất	32.1	3.72%	1.6	128,400	139.9	1,751	18.3	0.6%	12.0%	Link
EIB	Ngân hàng	16.1	-0.31%	1.3	29,897	79.2	264	60.8	1.1%	1.9%	Link
LPB	Ngân hàng	46.6	-2.00%	0.6	139,058	199.6	3,780	12.3	1.5%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	11.7	4.00%	0.5	25,258	36.3	2,256	5.2	1.0%	19.5%	Link
OCB	Ngân hàng	10.3	0.00%	0.6	31,544	129.0	1,454	7.1	19.2%	13.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	10.0	-1.19%	1.0	4,913	14.7	338	29.5	4.7%	2.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.8	-0.94%	1.1	4,207	3.2	3,248	4.9	2.5%	23.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.1	0.00%	0.5	11,711	32.6	256	125.2	4.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.1	-1.01%	0.3	56,561	16.3	3,723	11.9	58.9%	22.3%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.3	-0.79%	0.8	10,535	11.3	6,485	7.8	17.9%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	146.9	-0.47%	0.5	12,025	19.6	15,674	9.4	82.3%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	57.5	-1.37%	0.8	6,430	10.2	7,046	8.2	46.6%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	72.7	-0.41%	0.7	9,314	11.2	5,110	14.2	5.7%	30.2%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	27.2	0.00%	0.7	3,226	6.9	3,530	7.7	18.4%	14.9%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.4	0.00%	0.8	5,372	14.6	1,164	8.0	10.3%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.0	-0.25%	0.8	8,226	24.2	2,809	7.1	8.3%	17.9%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.4	-1.03%	0.7	10,019	18.5	5,869	2.4	2.0%	35.6%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.7	-0.25%	1.1	17,799	9.1	3,174	12.5	0.9%	16.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC
 Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Click
2	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Click
3	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Click
4	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
5	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
6	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
7	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
8	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
9	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
10	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
11	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
12	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
13	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
14	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
15	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
16	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
17	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
18	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
19	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
20	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
21	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
22	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
23	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>